

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 317/2025/DS-ST

Ngày: 11 - 6 - 2025.

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Liên Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Chính.

2. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hà Kim Thông - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 11 tháng 6 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2025/TLST-DS ngày 05/02/2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 143/2025/QĐST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Ngọc Gia H, sinh năm 2002; Địa chỉ: D đường N, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh D, sinh năm 1975. Địa chỉ: 1 Khu phố A, phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- **Bị đơn:**

+ Ông Tô Quang B, sinh năm 1966; Thường trú: 169 H, Khu phố F, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: C ấp C, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

+ Bà Ngô Thị Thu T, sinh năm 1963. Thường trú: 138 đường TMT13, Khu phố C, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: C ấp C, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Gia H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh D trình bày:

Xuất phát từ mối quan hệ quen biết, ngày 20/7/2022 ông Tô Quang B và bà Ngô Thị Thu T có mượn của bà Nguyễn Ngọc Gia H số tiền 1.900.000.000 đồng với thời gian thỏa thuận là sau 06 tháng sẽ hoàn trả tiền cho bà Nguyễn Ngọc Gia H. Để bảo đảm cho số tiền đã mượn, ông B và bà T hứa thế chấp cho bà Nguyễn Ngọc Gia H căn nhà của vợ chồng ông B và bà T đang sinh sống tại số C đường T, ấp C, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc thửa đất số 67 tờ bản đồ số 25 (TL 2005) đã được cấp giấy chứng nhận số H00351 do UBND huyện H cấp ngày 21/10/2005 thay đổi chủ sở hữu ngày 05/12/2005. Tuy nhiên, ông B và bà T không đưa bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Và khi đến hạn thanh toán vợ chồng ông B và bà T tiếp tục né tránh thanh toán tiền vay.

Tại đơn khởi kiện bà Nguyễn Ngọc Gia H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Tô Quang B và bà Ngô Thị Thu T phải trả cho bà Nguyễn Ngọc Gia H số tiền 1.900.000.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định pháp luật từ ngày 21 tháng 01 năm 2023 đến ngày khởi kiện.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự hòa giải với nhau nhưng chỉ có ông Nguyễn Thanh D đại diện ủy quyền của nguyên đơn có mặt theo triệu tập của Tòa án, bị đơn vắng mặt không lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Ngọc Gia H với ông Tô Quang B và bà Ngô Thị Thu T là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã T, huyện H nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Trong quá trình tố tụng, bị đơn không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, bị đơn đã từ bỏ quyền chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét yêu cầu của nguyên đơn dựa trên các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp theo quy định của pháp luật.

[4] Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn cung cấp các chứng cứ: Giấy mượn tiền ngày 20/7/2022 được giao kết giữa bà Nguyễn Ngọc Gia H với ông Tô Quang B và bà Ngô Thị Thu T; Giấy ủy quyền của ông Tô Quang B ủy quyền của ông Nguyễn Thanh D do Văn phòng C lập ngày 18/3/2022.

[5] Tại phiên tòa, ông Nguyễn Thanh D đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu của nguyên đơn. Yêu cầu ông Tô Quang B và bà Ngô Thị Thu T phải trả tiền vay vốn gốc cho bà Nguyễn Ngọc Gia H số tiền 1.900.000.000 đồng (một tỷ chín trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh theo quy định pháp luật từ ngày 21/01/2023 đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

[6] Xét yêu cầu của nguyên đơn: các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là Hợp đồng vay tiền ngày 20/7/2022 được giao kết giữa bà Nguyễn Ngọc Gia H với ông Tô Quang B và bà Ngô Thị Thu T và Giấy ủy quyền của ông Tô Quang B ủy quyền của ông Nguyễn Thanh D do Văn phòng C lập ngày 18/3/2022, có đủ cơ sở chứng minh ông Tô Quang B và bà Ngô Thị Thu T có vay của bà Nguyễn Ngọc Gia H số tiền 1.900.000.000 đồng (một tỷ chín trăm triệu đồng) thời hạn thanh toán trong 06 (sáu) tháng. Do đó, bà Nguyễn Ngọc Gia H khởi kiện yêu cầu ông Tô Quang B và bà Ngô Thị Thu T thanh toán tiền nợ gốc là 1.900.000.000 đồng là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về lãi suất:

[7.1] Tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định: *“Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác”*.

[7.2] Tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự quy định: *“Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”*.

[8] Áp dụng các điều luật được viện dẫn nêu trên cho thấy, đối với hợp đồng vay nói trên thì thời gian chậm trả nợ gốc bắt đầu kể từ ngày 21/01/2023 đến thời điểm xét xử sơ thẩm 11/6/2025, tương đương 02 năm 04 tháng 20 ngày và mức lãi suất được tính là 10%/năm. Số tiền lãi ông Tô Quang B và bà Ngô Thị Thu T phải trả cho bà Nguyễn Ngọc Gia H là: 1.900.000.000 đồng x 02 năm 04 tháng 20 ngày x 10%/năm = 453.744.291 đồng. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 21/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm, mức lãi theo quy định của pháp luật là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn của người đại diện là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Án phí dân sự có giá ngạch, ông Tô Quang B và bà Ngô Thị Thu T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 463, Điều 468, điểm a khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 4 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-

HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc Gia H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với ông Tô Quang B và bà Ngô Thị Thu T.

2. Buộc ông Tô Quang B và bà Ngô Thị Thu T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Ngọc Gia H tổng số tiền nợ gốc và lãi là 2.353.744.291 đồng (Hai tỷ, ba trăm năm mươi ba triệu, bảy trăm bốn bốn nghìn, hai trăm chín một đồng), trong đó: nợ gốc 1.900.000.000 đồng, nợ lãi đến ngày 11/6/2025 là 353.744.291 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 12/6/2025 theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi trả hết nợ.

3. Về án phí: Án phí dân sự có giá ngạch bà Nguyễn Ngọc Gia H không phải chịu; ông Tô Quang B và bà Ngô Thị Thu T phải chịu 79.074.886đ (bảy mươi chín triệu, không trăm bảy bốn nghìn, tám trăm tám sáu đồng); Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Ngọc Gia H số tiền tạm ứng án phí 34.500.000đ (ba mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai số 0047994 ngày 05/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt không tham gia phiên toàn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Liên Quân